

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-3-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan.**

2. Ông **Lê Văn Kiệt.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Danh Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thanh L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Mỹ Lương, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Mỹ Lương, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Chị L có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn đề ngày 16 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Phạm Thanh L** trình bày: chị và **Nguyễn Văn Đ** kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phong, thành phố M, Tiền Giang. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hiện tình cảm không còn đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung, chị và anh Đ có một con chung tên **Nguyễn Ngọc Thanh V** sinh ngày 11/9/2006. Ly hôn chị L đồng ý giao con cho anh Đ tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung chị trình bày không có.

* Anh Nguyễn Văn Đ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Loan và vắng mặt không rõ lý do.

* Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Đ vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đ. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh V sinh ngày 11/9/2006 cho anh Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung và nợ chung chị L trình bày không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thanh L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Phong thành phố M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn không có đơn xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập hôn nhân, chị L và anh Đ sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm sống, chị và anh Đ đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ. Đồng thời khoảng thời gian sống ly thân, cả hai anh chị vẫn chưa thể hàn gắn nên mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung. Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh Đ không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc chị L yêu cầu ly hôn với anh và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân với chị L. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị được ly hôn với anh Đ.

[4]. Về nuôi con chung: Thời gian hôn nhân chị L và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh V sinh ngày 11/9/2006 hiện đang sống chung với anh Đ, chị L đồng ý giao cháu V cho anh Đ tiếp tục chăm sóc theo nguyện vọng của con.

Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Ngọc Thanh V đã 16 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh Đ, chị L cũng thống nhất theo nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cũng không có bất kỳ văn bản nào nộp cho Tòa án thể hiện sự phản đối về việc được nuôi con chung cũng như có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, việc

giao cháu V cho anh Đ nuôi dưỡng, là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng nên Hội đồng xét xử chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Chị Loan phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh V sinh ngày 11/9/2006 cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004419 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị đã nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND xã Mỹ Phong, Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh